

Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo kiểm toán độc lập	14 - 15
Báo cáo thu nhập	16
Báo cáo tình hình tài chính	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	19
Báo cáo danh mục đầu tư	20 - 21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính	24 - 62

2 - C.
Y
1
HOUN
NAM
10 CH

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 188/GCN-UBCK ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 36/GCN-UBCK ngày 4 tháng 2 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 9.600.725,06 chứng chỉ với tổng giá trị là 96.007.250.859 đồng, chiếm 192,01% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 338.379.094.959 đồng, tương đương với 33.837.909,47 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng tài sản đầu tư, từ tăng giá cổ phiếu và thu nhập cổ tức, nhưng tập trung chủ yếu vào gia tăng thu nhập cổ tức thông qua phân bổ tỷ trọng cao hơn vào các cổ phiếu có tỷ suất cổ tức cao.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty Quản lý Quỹ”).

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 28 tháng 1 năm 2026 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 4 tháng 2 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 4 tháng 2 năm 2025
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Ngày 4 tháng 2 năm 2025



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ	Ngày 17 tháng 4 năm 2024

Bà Phạm Thanh Huyền - Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được bà Nguyễn Thị Hằng Nga - Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền ký báo cáo này theo Giấy Ủy quyền số 12225/UQ-VCBF ngày 25 tháng 8 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 188/GCN-UBCK ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 36/GCN-UBCK ngày 4 tháng 2 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng tài sản đầu tư, từ tăng giá cổ phiếu và thu nhập cổ tức, nhưng tập trung chủ yếu vào gia tăng thu nhập cổ tức thông qua phân bổ tỷ trọng cao hơn vào các cổ phiếu có tỷ suất cổ tức cao.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 15,02% và 41,10% so với ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập).

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Đối với danh mục tài sản đầu tư tại Việt Nam, Quỹ sẽ phân bổ một tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu có tỷ suất cổ tức cao. Cổ phiếu có tỷ suất cổ tức cao được định nghĩa là cổ phiếu có tỷ suất cổ tức bằng tiền trên một cổ phiếu chia cho giá của cổ phiếu đó cao hơn mức trung bình của tỷ suất này của tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX) trong năm dương lịch gần nhất. Giá được sử dụng để xác định tỷ suất cổ tức của các cổ phiếu nắm giữ của quỹ là giá tại thời điểm tính toán hoặc giá mua trung bình của cổ phiếu nắm giữ, tùy thuộc giá nào thấp hơn. Cổ tức trên một cổ phiếu bằng tiền được xác định là cổ tức chi trả bằng tiền trên một cổ phiếu trong năm tài chính trước đó hoặc được lên kế hoạch chi trả trong năm tài chính tiếp theo. Việc xác định mức trung bình của tỷ suất cổ tức/giá trên HSX sẽ được thực hiện hàng năm vào cuối ngày giao dịch cuối cùng của các năm dương lịch, dựa trên số liệu của Bloomberg hoặc một tổ chức cung cấp thông tin thị trường tin cậy (ví dụ Finpro, Factset hoặc LSEG) vào ngày xác định tỷ suất này. Quỹ sẽ ưu tiên đầu tư các cổ phiếu có khả năng duy trì cổ tức bằng tiền cao trong dài hạn.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu, trong đó:	Trung bình tới cao	Lên đến 100%
Cổ phiếu có tỷ suất cổ tức cao	Trung bình tới cao	Tỷ trọng đa số
Tiền	Gần như không có	Phần tiền chưa đầu tư

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 36/GCN-UBCK ngày 4 tháng 2 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 389.194.328.755 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 33.837.909,47 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Hiện tại chưa có một chỉ số sẵn có trên thị trường phản ánh chiến lược đầu tư của quỹ. Do đó chỉ số VNIndex, chỉ số phản ánh biến động của tất cả các cổ phiếu trên HSX sẽ được sử dụng là chỉ số tham chiếu của Quỹ. Tuy nhiên, do chiến lược đầu tư khác biệt của quỹ, việc so sánh lợi nhuận của Quỹ với thay đổi của chỉ số VNIndex trong các giai đoạn ngắn hạn cụ thể có thể không phù hợp. Tuy vậy mục tiêu của quỹ trong dài hạn là đạt được lợi nhuận vượt trội so với thay đổi của chỉ số VNIndex.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Phân bổ tài sản quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)
Phân bổ tài sản quỹ	
Danh mục cổ phiếu	93,41
Tài sản khác	6,59
Tổng cộng	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	389.194.328.755
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	33.837.909,47
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	11.501,72
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	11.641,03
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	8.092,46
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (b)	15,02
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (Thay đổi do biến động giá) (b)	14,67
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	0,35
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,68
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	84,04

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)
Từ khi thành lập	15,02	41,10

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP năm 2025 tăng tốc và vượt mục tiêu đề ra, đạt 8,02% so với cùng kỳ (Quý 4 đạt 8,46%), cao hơn đáng kể mức bình quân 5 năm trước đại dịch (6,76%), phản ánh đã phục hồi đồng bộ của cả khu vực sản xuất và dịch vụ.

- ▶ Khu vực Công nghiệp & Xây dựng tăng 9,0% so với cùng kỳ (2024: 8,2%), tiếp tục là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,0%, duy trì vai trò dẫn dắt dù vẫn thấp hơn mức tăng trưởng bình quân 12,2% của giai đoạn trước Covid. Ngành xây dựng tăng mạnh 9,6%, mức cao nhất kể từ năm 2016, nhờ đẩy mạnh đầu tư công, trong khi ngành Khai khoáng phục hồi nhẹ 0,4% sau 2 năm suy giảm liên tiếp.
- ▶ Khu vực Dịch vụ tăng 8,6%, cao hơn mức bình quân 7,0% của giai đoạn trước đại dịch và tiệm cận tốc độ tăng trưởng trước Covid.
- ▶ Khu vực Nông, Lâm nghiệp & Thủy sản tăng 3,8%, cao hơn các mức trung bình trước đây và gần tương đương năm 2023, bất chấp tác động bất lợi của thời tiết trong Quý 4.
- ▶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 9,2% theo giá danh nghĩa và 6,7% theo giá thực, cho thấy tiêu dùng nội địa duy trì ổn định.
- ▶ Chỉ số PMI duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong nửa cuối năm (bình quân 52,4 điểm), cải thiện rõ rệt so với mức 48,8 điểm trong nửa đầu năm, phản ánh sự phục hồi của đơn hàng mới và hoạt động sản xuất.
- ▶ Xuất khẩu tăng 17,0% so với cùng kỳ, bất chấp những lo ngại đầu năm về rủi ro thuế quan từ Mỹ. Nhóm điện tử (+48,4%) và máy móc (+13,2%) tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng. Thặng dư thương mại hàng hóa đạt 20,0 tỷ USD, dù giảm so với mức cao của năm trước nhưng vẫn vượt xa bình quân 5–10 năm.
- ▶ FDI giải ngân đạt kỷ lục mới 27,6 tỷ USD (+9,0% YoY), trong đó lĩnh vực chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng chủ đạo, củng cố triển vọng trung hạn của khu vực sản xuất.
- ▶ Lạm phát ở mức 3,5%, duy trì dưới trần mục tiêu 4,5–5,0% của Chính phủ, song áp lực lạm phát vẫn hiện diện nếu so với mức lạm phát 2,9% năm 2024 trong bối cảnh tín dụng tăng mạnh 17,7% cho cả năm.

Về tỷ giá, áp lực mất giá của VNĐ giảm dần trong Quý 4 sau khi Fed hạ lãi suất ba lần trong năm. VNĐ tăng nhẹ 0,26% theo quý và thu hẹp mức mất giá còn 3,2% so với cùng kỳ, trong khi chỉ số DXY giảm 9,4%. Cán cân vốn tiếp tục được hỗ trợ nhờ thặng dư thương mại và dòng vốn FDI mạnh, tiếp tục đóng vai trò đệm ổn định thị trường ngoại hối.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

2. Thị trường cổ phiếu

Thị trường cổ phiếu khép lại năm 2025 với cột mốc lịch sử tại 1.784,5 điểm, tương ứng mức tăng trưởng 40,9%. Hiệu suất này vượt xa các thị trường trong khu vực như Indonesia (JCI, +22,1%), Malaysia (FBMEMAS, -1,8%), Philippines (PCOMP, -7,3%) và Thái Lan (SET, -10,0%).

Mặc dù thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức tích cực — với giá trị giao dịch bình quân ngày tăng 35,2% YoY, đạt 1,1 tỷ USD — tâm lý nhà đầu tư vẫn chịu áp lực bởi làn sóng rút vốn liên tục của khối ngoại. Tổng giá trị bán ròng của khối ngoại trong năm 2025 lên đến 5,1 tỷ USD, tăng mạnh so với con số 3,7 tỷ USD ghi nhận vào năm 2024.

Xét theo quy mô vốn hóa, một sự phân hóa sắc nét đã hình thành giữa các nhóm cổ phiếu: nhóm vốn hóa lớn (VN30, +51,0%) vượt trội hoàn toàn so với nhóm vốn hóa trung bình (VN70, +16,6%) và vốn hóa nhỏ (VN50, +1,7%). Trên thực tế, dù VN-Index và VN30 mang lại tỷ suất sinh lời ấn tượng, mức độ phân hóa vẫn duy trì ở mức cao khi có tới hơn 42% mã cổ phiếu thuộc VN-Index kết thúc năm với mức lợi nhuận âm. Đáng chú ý, đà tăng của thị trường mang tính tập trung rất cao: riêng nhóm cổ phiếu họ Vingroup đã đóng góp hơn 400 điểm vào tổng mức tăng khoảng 517 điểm của chỉ số, cho thấy ảnh hưởng quá lớn của một tập đoàn duy nhất. Ngoài nhóm này, đà tăng cũng mang tính chọn lọc, ưu tiên các mã vốn hóa lớn và có câu chuyện riêng như VJC, HDB, GEE và GEX. Xu hướng này phản ánh một thị trường được dẫn dắt bởi nhóm vốn hóa lớn và các chủ đề xoay quanh chính sách, thay vì được dẫn dắt bởi sự phục hồi lợi nhuận doanh nghiệp trên diện rộng hay sự tái định giá.

Trong năm 2025, có 9 trên 11 nhóm ngành theo phân loại GICS ghi nhận tăng trưởng. Tuy nhiên, chỉ có hai nhóm ngành đạt mức sinh lời vượt qua con số 40,9% của VN-Index. Ngành bất động sản dẫn đầu thị trường với mức tăng 228,3%, nhờ đà bứt phá kỷ lục của VIC (+736,5%), VHM (+210,0%) và VRE (+96,2%). Ngành Công nghiệp tăng 42,7%, đóng góp đáng kể từ GEE (+799,8%), GEX (+147,9%) và VJC (+109,0%). Ngành Tài chính đạt mức tăng 24,2%, dù thấp hơn chỉ số chung nhưng vẫn là mức tăng trưởng cao, nhờ triển vọng kinh tế cải thiện và nhu cầu tín dụng hồi phục từ thị trường bất động sản. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin (-24,1%) và ngành Dịch vụ viễn thông (-13,4%) là những nhóm ngành kém khả quan nhất. Ngành Công nghệ thông tin chịu áp lực lớn từ FPT (-26,4%) khi mã này bước vào nhịp điều chỉnh sau đợt tăng mạnh 85,0% trong năm trước, phản ánh lo ngại của nhà đầu tư về sự sụt giảm trong chi tiêu CNTT toàn cầu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	0,35
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	14,67
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	15,02
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Ngày 4 tháng 2 năm 2025 VNĐ (*)	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	389.194.328.755	96.007.250.859	305,38
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	11.501,72	10.000,00	15,02

(*) Đây là giá trị kết quả chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

811
 CÔNG
 TNHH
 ST &
 VIỆT
 PHỐ

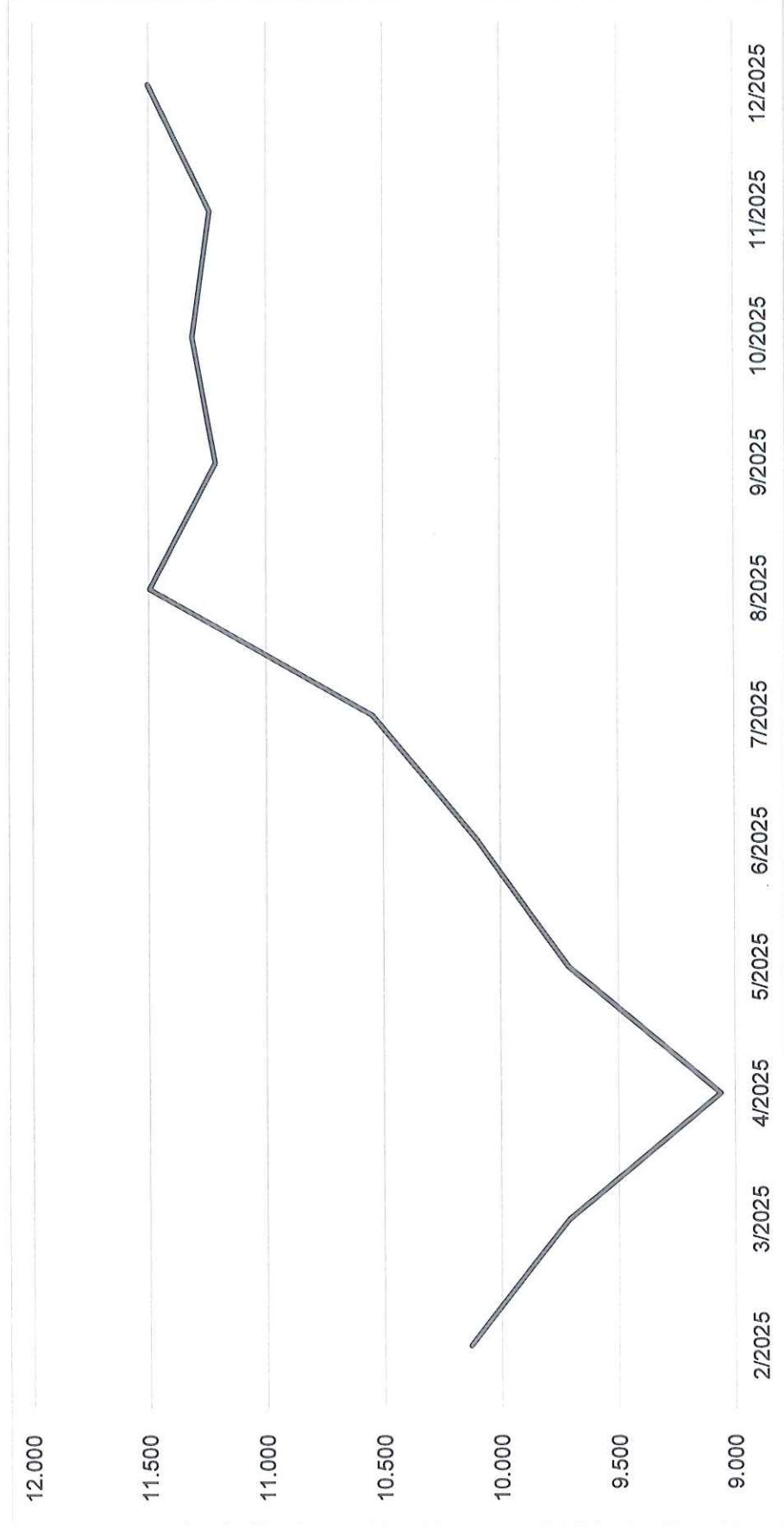
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	5.054	4.748.216,76	14,03
Từ 5.000 đến 10.000	413	2.948.485,66	8,71
Từ 10.000 đến 50.000	455	9.365.579,76	27,68
Từ 50.000 đến 500.000	74	7.744.125,34	22,89
Trên 500.000	7	9.031.501,95	26,69
Tổng cộng	6.003	33.837.909,47	100,00

3. Chi phí ngậm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi duy trì triển vọng tích cực đối với kinh tế Việt Nam. Các động lực tăng trưởng chính vẫn được duy trì. Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy mạnh giải ngân đầu tư công đặc biệt trong bối cảnh nợ công mới chỉ ở mức 34,7% GDP¹. Trong giai đoạn 5 năm tới (2026–2030), tổng vốn đầu tư phát triển dự kiến đạt khoảng 8,5 triệu tỷ đồng, cao hơn đáng kể so với mức giải ngân ước tính khoảng 3,4 triệu tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025². Đầu tư hạ tầng sẽ thúc đẩy sự phát triển của nhiều khu vực kinh tế - xã hội, trong đó có du lịch - ngành vốn đang phát triển mạnh mẽ. Ngành du lịch Việt Nam đã đón 21,1 triệu lượt khách quốc tế trong năm, tăng 20,4% so với cùng kỳ và đặt kế hoạch thu hút 25 triệu lượt khách quốc tế vào năm 2026³. Cơ sở hạ tầng phát triển và môi trường chính trị ổn định sẽ tiếp tục thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Chúng tôi kỳ vọng tiêu dùng nội địa sẽ phục hồi rõ rệt hơn từ năm 2026. Các chính sách tài khóa hỗ trợ tăng trưởng - bao gồm giảm 2% thuế VAT đến hết năm 2026 và nâng mức giảm trừ gia cảnh - sẽ củng cố sức mua của người dân. Lãi suất đã nhích lên từ mức thấp nhất trong nhiều năm do nhu cầu tín dụng gia tăng, song được dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức hỗ trợ tăng trưởng khi lạm phát được kiểm soát và áp lực tỷ giá đã suy giảm sau khi Fed hạ lãi suất vào cuối năm 2025. Hơn nữa, chủ trương hạn chế tín dụng vào lĩnh vực bất động sản của chính phủ sẽ chuyển hướng dòng vốn sang các ngành khác bao gồm sản xuất và tiêu dùng và do đó lãi suất cho vay ở các ngành này sẽ trở nên cạnh tranh hơn.

¹ vnexpress.vn, 24.04.2025: Nợ công 2024 gần 4,3 triệu tỷ đồng

² baochinhhphu.vn, 20.10.2025: Chính phủ dự kiến 8,5 triệu tỷ đồng cho đầu tư phát triển và 10,6 triệu tỷ đồng cho chi thường xuyên

³ vietnam.vn, 26.01.2026: Quảng bá thương hiệu du lịch Việt Nam để đón được 25 triệu lượt khách quốc tế năm 2026

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Điều quan trọng hơn, cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc phát triển hạ tầng, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân, cải thiện hiệu quả khu vực hành chính công và thu hút vốn vào các ngành công nghệ cao sẽ tạo nền tảng vững chắc cho kinh tế tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), việc tăng đầu tư công lên 11,5% GDP trong giai đoạn 2025-2030, kết hợp với thực hiện hiệu quả các nỗ lực cải cách, có thể nâng tốc độ tăng trưởng GDP trong trung hạn của Việt Nam lên hơn 2 điểm phần trăm so với kịch bản cơ sở vào năm 2030⁴.

Chúng tôi lưu ý rằng căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt liên quan đến Mỹ, Israel và Iran, có thể tạo ra rủi ro đối với triển vọng kinh tế vĩ mô toàn cầu. Bất kỳ sự leo thang nào làm gián đoạn các tuyến cung ứng năng lượng đều có thể đẩy giá dầu, khí và các sản phẩm lọc dầu tăng cao, từ đó gây áp lực lạm phát trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, kinh nghiệm trong quá khứ cho thấy các đợt tăng giá năng lượng do xung đột địa chính trị thường sẽ quay về trạng thái bình thường khi căng thẳng hạ nhiệt và điều kiện cung ứng được ổn định trở lại. Do vậy, mặc dù xung đột có thể khiến lạm phát và thị trường tài chính biến động trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng tác động này mang tính tạm thời hơn là mang tính cấu trúc.

Tổng thể, triển vọng tăng trưởng trong dài hạn của Việt Nam là tích cực cho thị trường cổ phiếu. Chỉ số VN-Index tăng mạnh 40,9% trong năm 2025 và đang giao dịch ở mức 15,9 lần lợi nhuận 12 tháng gần nhất, cao hơn mức bình quân trung vị 10 năm là 14,5 lần⁵. Tuy nhiên, gần 35% của mức tăng của VN-Index đến từ cổ phiếu VIC của Tập đoàn Vingroup. Nếu loại trừ cổ phiếu VIC, định giá P/E của VN-Index sẽ hấp dẫn hơn, ước tính ở mức 12,9 lần vào cuối năm 2025⁶. Hơn nữa, định giá thị trường dựa trên lợi nhuận tương lai sẽ trở nên hấp dẫn hơn vì các chính sách hỗ trợ tăng trưởng sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng kinh doanh và tăng trưởng lợi nhuận.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

⁴ IMF Country Report No. 25/283 on Vietnam, tháng 10 2025

⁵ FTSE Workspace, 31.12.2025

⁶ FiinPro, 31.12.2025



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Thu Nhập Chủ Động VCBF (“Quỹ” hoặc “VCBF-AIF”) cho giai đoạn từ ngày 04 tháng 02 năm 2025 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 04 tháng 02 năm 2025 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 04 tháng 02 năm 2025 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.



Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13875289/E-69240997

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF ("Quỹ") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 16 đến trang 62, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP

B01-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		48.717.481.257
02	1.1 Cổ tức được chia		7.218.334.180
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	48.750.677
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	15	13.845.948.417
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	27.604.447.983
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		596.947.516
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	16	596.947.516
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		5.791.313.632
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	24.1	4.536.410.279
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	17	273.641.569
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	24.2	165.121.659
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	24.2	355.869.643
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		118.485.715
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		86.642.002
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		135.000.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	120.142.765
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		42.329.220.109
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		42.329.220.109
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		14.724.772.126
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	27.604.447.983
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		42.329.220.109

02-C
 TY
 H
 YOUNG
 TAM
 Ô CHỈ

Người lập:
 Bà Nguyễn Mai Hoa
 Phó phòng Dịch vụ Quý và
 Danh mục

Người duyệt:
 Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng



Người duyệt:
 Bà Phạm Thanh Huyền
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	26.026.546.084
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		26.026.546.084
120	2. Các khoản đầu tư thuần		368.958.206.400
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	368.958.206.400
100	TỔNG TÀI SẢN		394.984.752.484
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	6	3.276.807.850
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	447.325.526
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		28.603.132
316	4. Chi phí phải trả	8	94.500.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ	9	686.850.616
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	10	569.212.997
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	687.123.608
			5.790.423.729
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		389.194.328.755
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		338.379.094.959
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	418.728.601.859
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(80.349.506.900)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		8.486.013.687
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	42.329.220.109
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	12	11.501,72



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	33.837.909,47

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:
Bà Nguyễn Mai Hoa
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và
Danh mục

Người duyệt:
Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng



Người duyệt:
Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF**

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ B03-QM
cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	-
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	42.329.220.109
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	42.329.220.109
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	346.865.108.646
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	432.803.663.324
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(85.938.554.678)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	389.194.328.755

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:
Bà Nguyễn Mai Hoa
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và
Danh mục



Người duyệt:
Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng



Người duyệt:
Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
1	Cổ phiếu niêm yết	9.458.699		368.958.206.400	93,41
1	ACB	808.125	24.000	19.395.000.000	4,91
2	ACG	108.000	35.550	3.839.400.000	0,97
3	ACV	67.313	48.900	3.291.605.700	0,83
4	BIC	174.599	22.800	3.980.857.200	1,01
5	BID	136.000	38.900	5.290.400.000	1,34
6	BMP	47.000	175.000	8.225.000.000	2,08
7	BVH	194.800	56.800	11.064.640.000	2,80
8	BWE	214.200	47.400	10.153.080.000	2,57
9	CTD	80.325	76.000	6.104.700.000	1,55
10	CTG	435.106	35.750	15.555.039.500	3,94
11	CTR	88.500	85.300	7.549.050.000	1,91
12	DBD	74.000	48.800	3.611.200.000	0,91
13	DCM	239.000	32.700	7.815.300.000	1,98
14	DGW	97.200	39.000	3.790.800.000	0,96
15	DPR	120.000	38.000	4.560.000.000	1,15
16	FPT	201.610	95.800	19.314.238.000	4,89
17	GMD	70.000	61.000	4.270.000.000	1,08
18	HCM	284.350	22.400	6.369.440.000	1,61
19	HPG	466.400	26.400	12.312.960.000	3,12
20	IDC	209.305	36.400	7.618.702.000	1,93
21	IJC	386.666	10.750	4.156.659.500	1,05
22	LHG	184.000	28.850	5.308.400.000	1,34
23	MBB	854.780	25.300	21.625.934.000	5,49
24	MIG	232.890	17.750	4.133.797.500	1,05
25	MSN	100.000	77.000	7.700.000.000	1,95
26	MWG	139.300	88.400	12.314.120.000	3,12
27	NCT	23.600	89.700	2.116.920.000	0,54
28	NLG	206.640	30.450	6.292.188.000	1,59
29	PC1	98.900	22.550	2.230.195.000	0,56
30	PHR	78.900	58.500	4.615.650.000	1,17
31	PNJ	128.000	97.000	12.416.000.000	3,14
32	PVS	193.670	34.300	6.642.881.000	1,68
33	QNS	175.000	47.000	8.225.000.000	2,08
34	SAB	66.200	49.000	3.243.800.000	0,82
35	SAS	98.400	31.500	3.099.600.000	0,78
36	STB	238.000	58.000	13.804.000.000	3,49
37	TCB	457.000	34.900	15.949.300.000	4,04
38	THG	56.280	46.550	2.619.834.000	0,66
39	TLG	236.800	49.700	11.768.960.000	2,98
40	VHM	60.000	124.000	7.440.000.000	1,88
41	VIB	602.840	17.750	10.700.410.000	2,71
42	VIC	48.600	169.600	8.242.560.000	2,09
43	VNM	319.500	61.200	19.553.400.000	4,96
44	VPB	272.500	28.650	7.807.125.000	1,98
45	VRE	84.400	33.650	2.840.060.000	0,72

0811
CÔNG
TN
ST &
IẾT
PHỐ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B05-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		42.329.220.109
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(27.536.947.983)
	Trong đó:		
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(27.604.447.983)
04	Chi phí trích trước		67.500.000
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		14.792.272.126
20	Tăng các khoản đầu tư		(341.353.758.417)
10	Tăng phải trả cho người bán		3.276.807.850
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		447.325.526
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		28.603.132
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ		686.850.616
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		569.212.997
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		687.123.608
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(320.838.562.562)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	432.803.663.324
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(85.938.554.678)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		346.865.108.646
40	III. TĂNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ		26.026.546.084

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

B05-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ		-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		-
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ		-
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	4	26.026.546.084
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		26.026.546.084
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		25.270.564.133
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ</i>		25.270.564.133
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ		755.981.951
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		26.026.546.084

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:
Bà Nguyễn Mai Hoa
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và
Danh mục



Người duyệt:
Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng



Người duyệt:
Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 188/GCN-UBCK ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 36/GCN-UBCK ngày 4 tháng 2 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank (“Công ty Quản lý Quỹ”).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 28 tháng 1 năm 2026 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 9.600.725,06 chứng chỉ với tổng giá trị là 96.007.250.859 đồng, chiếm 192,01% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 338.379.094.959 đồng, tương đương với 33.837.909,47 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng tài sản đầu tư, từ tăng giá cổ phiếu và thu nhập cổ tức, nhưng tập trung chủ yếu vào gia tăng thu nhập cổ tức thông qua phân bổ tỷ trọng cao hơn vào các cổ phiếu có tỷ suất cổ tức cao. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Đối với danh mục tài sản đầu tư tại Việt Nam, Quỹ sẽ phân bổ một tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu có tỷ suất cổ tức cao. Cổ phiếu có tỷ suất cổ tức cao được định nghĩa là cổ phiếu có tỷ suất cổ tức bằng tiền trên một cổ phiếu chia cho giá của cổ phiếu đó cao hơn mức trung bình của tỷ suất này của tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX) trong năm dương lịch gần nhất. Giá được sử dụng để xác định tỷ suất cổ tức của các cổ phiếu nắm giữ của quỹ là giá tại thời điểm tính toán hoặc giá mua trung bình của cổ phiếu nắm giữ, tùy thuộc giá nào thấp hơn. Cổ tức trên một cổ phiếu bằng tiền được xác định là cổ tức chi trả bằng tiền trên một cổ phiếu trong năm tài chính trước đó hoặc được lên kế hoạch chi trả trong năm tài chính tiếp theo. Việc xác định mức trung bình của tỷ suất cổ tức/giá trên HSX sẽ được thực hiện hàng năm vào cuối ngày giao dịch cuối cùng của các năm dương lịch, dựa trên số liệu của Bloomberg hoặc một tổ chức cung cấp thông tin thị trường tin cậy (ví dụ Finpro, Factset hoặc LSEG) vào ngày xác định tỷ suất này. Quỹ sẽ ưu tiên đầu tư các cổ phiếu có khả năng duy trì cổ tức bằng tiền cao trong dài hạn.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

Từ ngày thành lập đến tháng 11 năm 2025, NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Từ tháng 12 năm 2025, NAV của Quỹ phải được xác định vào tất cả các Ngày Giao Dịch và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Từ ngày thành lập đến tháng 11 năm 2025, tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

Từ tháng 12 năm 2025, tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu trong tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ Bảy và/hoặc Chủ nhật.

Hạn mức đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn mức đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ:
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - AIF;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn mức đầu tư (tiếp theo)

- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ dưới đây được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn mức đầu tư (tiếp theo)

Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
- Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

- Báo cáo thu nhập
- Báo cáo tình hình tài chính
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
- Báo cáo danh mục đầu tư
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quý là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán đầu tiên của Quý bắt đầu từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Các kỳ kế toán năm tiếp theo của Quý áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quý là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

2.6 Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư 136 có hiệu lực từ ngày 12 tháng 2 năm 2026.

Công ty Quản lý Quỹ đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 136 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quý và sẽ áp dụng Thông tư 136 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quý, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, mua lại chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
 và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường (được chi tiết tại Sổ tay định giá), là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. <p>Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế</p>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
 và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế. <p>Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.</p>
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</p>
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.
12.	Quyền mua cổ phiếu	<p>Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$</p> <p>Trong đó:</p> <p>Tỷ lệ thực hiện quyền = $\frac{\text{Số cổ phiếu được mua}}{\text{Số lượng quyền mua sở hữu}}$</p>
Các tài sản khác		
13.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá; + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Các tài sản khác (tiếp theo)		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá thị trường là giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá;- Trong trường hợp không xác định được giá NAV, mức giá được xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 Lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng

Giá dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ, Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính. Trong mọi trường hợp, tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ, Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ không được vượt quá hạn mức theo quy định của pháp luật.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá Dịch Vụ Quản Lý được tính và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ hằng năm cho Quỹ là 1,9% (một phẩy chín phần trăm) một năm trên NAV.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (Ba mươi mốt triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 15.500.000 VNĐ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên tính từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 42.000.000 VNĐ (Bốn mươi hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (Ba mươi mốt triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng) một tháng đối với trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần và 12.000.000 VNĐ (mười hai triệu đồng) một tháng đối với trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán định kỳ theo thỏa thuận với Đại Lý Chuyển Nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

(iv) Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 VNĐ (ba mươi sáu triệu đồng) một năm, tương đương với 3.000.000 VNĐ (ba triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (Mười sáu triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 8.000.000 VNĐ (Tám triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên tính từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, Giá Dịch Vụ Ngân hàng Giám sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VNĐ (Mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (Mười sáu triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá Dịch Vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (Mười một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV dưới 1.000 tỷ đồng/năm và 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV từ 1.000 tỷ đồng/năm trở lên, với mức tối thiểu là 12.000.000 VNĐ (Mười hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (Mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, thuế giá trị gia tăng (nếu có).

3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài Chính ban hành ("Thông tư 25").

Theo đó, khi Quý trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, không bao gồm các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quý sử dụng phương pháp và các giả định như tại *Thuyết minh 23* để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Ngày 31 tháng 12
năm 2025
VNĐ

Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký
cho hoạt động của Quỹ mở

25.270.564.133

Tiền gửi của nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ

755.981.951

26.026.546.084

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VNĐ
	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Cổ phiếu niêm yết	341.353.758.417	368.958.206.400	41.589.194.226	(13.984.746.243)	368.958.206.400
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					27.604.447.983

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Ngày 31 tháng 12
năm 2025
VNĐ

Phải trả về mua các khoản đầu tư

3.276.807.850

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Ngày 31 tháng 12
năm 2025
VNĐ

Phải trả Công ty Quản lý Quỹ

447.325.526

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngày 31 tháng 12
năm 2025
VNĐ

Phí kiểm toán

67.500.000

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

27.000.000

94.500.000

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp phát hành chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	598.903.608
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	9.020.000
	687.123.608

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) VNĐ	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	41.872.860,16	41.872.860,16
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	418.728.601.859	418.728.601.859
Thặng dư vốn	-	14.075.061.465	14.075.061.465
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	-	432.803.663.324	432.803.663.324
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	(8.034.950,69)	(8.034.950,69)
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	(80.349.506.900)	(80.349.506.900)
Thặng dư vốn	-	(5.589.047.778)	(5.589.047.778)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	-	(85.938.554.678)	(85.938.554.678)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	-	33.837.909,47	33.837.909,47
Giá trị vốn góp hiện hành	-	346.865.108.646	346.865.108.646
Lợi nhuận chưa phân phối	-	42.329.220.109	42.329.220.109
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	-		389.194.328.755
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	-		11.501,72

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện	14.724.772.126
Lợi nhuận chưa thực hiện	27.604.447.983
	42.329.220.109

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	36.821.918
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	11.928.759
	48.750.677

15. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong kỳ VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	36.856.770.000	23.010.821.583	13.845.948.417

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	541.556.127
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	55.285.156
Chi phí thanh toán bù trừ trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	106.233
	596.947.516

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

STT (1)	Tên công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%) (8)	
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VNĐ (4)	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VNĐ (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua chứng khoán trong kỳ (%) (6)=(4)/(5)		Phí giao dịch bình quân (%) (7)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Không liên quan	124.200.645.000	397.894.190.000	31,21	0,15	0,00-0,45
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	107.335.435.000	397.894.190.000	26,98	0,15	0,00-0,45
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	108.145.015.000	397.894.190.000	27,18	0,15	0,00-0,45
4	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Có liên quan	40.528.545.000	397.894.190.000	10,19	0,15	0,00-0,45
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	17.684.550.000	397.894.190.000	4,44	0,14	0,00-0,45
	Tổng		397.894.190.000		100,00		

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

17. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

Cho kỳ kế toán từ
ngày 4 tháng 2 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày
31 tháng 12 năm 2025
VNĐ

Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	120.814.977
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	139.150.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	13.676.592
	273.641.569

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

Cho kỳ kế toán từ
ngày 4 tháng 2 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày
31 tháng 12 năm 2025
VNĐ

Thù lao Ban Đại diện Quỹ	108.928.571
Phí thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000
Phí ngân hàng	3.714.194
	120.142.765



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Ngày 4 tháng 2 năm 2025				
(ngày thành lập)	96.007.250.859	9.600.725,06	10.000,00	
Kỳ 1 Tháng 2/2025	95.977.887.309	9.600.725,06	9.996,94	(3,06)
Kỳ 2 Tháng 2/2025	111.600.241.930	11.208.484,58	9.956,76	(40,18)
Kỳ 3 Tháng 2/2025	121.680.048.741	12.128.992,88	10.032,16	75,40
Kỳ 4 Tháng 2/2025	130.610.911.797	12.881.902,18	10.139,10	106,94
Kỳ 5 Tháng 2/2025	139.558.617.930	13.756.364,16	10.145,02	5,92
Kỳ cuối Tháng 2/2025	142.717.264.403	14.084.957,71	10.132,60	(12,42)
Kỳ 1 Tháng 3/2025	142.899.459.306	14.084.957,71	10.145,53	12,93
Kỳ 2 Tháng 3/2025	159.856.368.481	15.790.497,32	10.123,58	(21,95)
Kỳ 3 Tháng 3/2025	166.221.208.536	16.294.439,11	10.201,10	77,52
Kỳ 4 Tháng 3/2025	171.680.269.184	16.933.982,86	10.138,20	(62,90)
Kỳ 5 Tháng 3/2025	174.834.336.644	17.479.824,82	10.002,06	(136,14)
Kỳ 6 Tháng 3/2025	179.555.910.123	18.122.823,59	9.907,72	(94,34)
Kỳ 7 Tháng 3/2025	196.680.467.490	19.888.977,67	9.888,91	(18,81)
Kỳ 8 Tháng 3/2025	198.612.356.313	20.186.839,46	9.838,70	(50,21)
Kỳ cuối Tháng 3/2025	201.238.436.509	20.721.506,08	9.711,57	(127,13)
Kỳ 1 Tháng 4/2025	202.564.845.009	20.815.170,21	9.731,59	20,02
Kỳ 2 Tháng 4/2025	187.978.673.532	21.158.639,42	8.884,25	(847,34)
Kỳ 3 Tháng 4/2025	172.990.578.269	21.376.734,28	8.092,46	(791,79)
Kỳ 4 Tháng 4/2025	194.084.293.078	21.380.756,36	9.077,52	985,06
Kỳ 5 Tháng 4/2025	196.221.281.087	22.197.598,74	8.839,75	(237,77)
Kỳ 6 Tháng 4/2025	199.237.113.517	22.418.548,05	8.887,15	47,40
Kỳ 7 Tháng 4/2025	201.308.720.636	22.532.851,04	8.934,01	46,86
Kỳ 8 Tháng 4/2025	204.604.205.498	22.627.907,75	9.042,11	108,10
Kỳ cuối Tháng 4/2025	207.716.161.452	22.924.559,55	9.060,85	18,74

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 5/2025	209.763.957.392	22.924.559,55	9.150,18	89,33
Kỳ 2 Tháng 5/2025	212.283.610.385	23.104.316,20	9.188,04	37,86
Kỳ 3 Tháng 5/2025	219.972.734.623	23.298.051,38	9.441,67	253,63
Kỳ 4 Tháng 5/2025	229.229.073.218	23.701.025,48	9.671,69	230,02
Kỳ 5 Tháng 5/2025	227.087.170.800	23.789.286,04	9.545,77	(125,92)
Kỳ 6 Tháng 5/2025	230.800.249.664	23.828.662,13	9.685,82	140,05
Kỳ 7 Tháng 5/2025	232.698.352.258	23.889.967,83	9.740,42	54,60
Kỳ 8 Tháng 5/2025	235.389.979.847	24.032.813,47	9.794,52	54,10
Kỳ cuối Tháng 5/2025	233.350.546.562	24.030.979,65	9.710,40	(84,12)
Kỳ 1 Tháng 6/2025	233.011.067.782	24.030.979,65	9.696,27	(14,13)
Kỳ 2 Tháng 6/2025	236.469.677.104	24.130.422,19	9.799,64	103,37
Kỳ 3 Tháng 6/2025	231.602.112.950	24.166.138,72	9.583,74	(215,90)
Kỳ 4 Tháng 6/2025	234.128.316.484	24.252.619,86	9.653,73	69,99
Kỳ 5 Tháng 6/2025	241.038.588.464	24.452.621,09	9.857,37	203,64
Kỳ 6 Tháng 6/2025	241.408.354.022	24.468.724,50	9.865,99	8,62
Kỳ 7 Tháng 6/2025	243.195.713.981	24.552.553,03	9.905,10	39,11
Kỳ 8 Tháng 6/2025	247.828.673.083	24.839.497,65	9.977,20	72,10
Kỳ cuối Tháng 6/2025	251.039.794.549	24.863.632,75	10.096,66	119,46
Kỳ 1 Tháng 7/2025	254.162.492.936	24.977.264,95	10.175,75	79,09
Kỳ 2 Tháng 7/2025	256.614.548.629	25.015.277,21	10.258,31	82,56
Kỳ 3 Tháng 7/2025	262.559.034.138	25.264.658,55	10.392,34	134,03
Kỳ 4 Tháng 7/2025	266.988.153.369	25.305.708,79	10.550,51	158,17
Kỳ 5 Tháng 7/2025	268.972.539.700	25.485.023,51	10.554,14	3,63
Kỳ 6 Tháng 7/2025	259.568.198.229	24.509.492,26	10.590,10	35,96
Kỳ 7 Tháng 7/2025	262.802.394.546	24.549.637,73	10.704,93	114,83
Kỳ 8 Tháng 7/2025	267.161.530.093	24.580.388,25	10.868,88	163,95
Kỳ 9 Tháng 7/2025	268.031.249.870	25.301.470,76	10.593,50	(275,38)
Kỳ cuối Tháng 7/2025	271.225.540.952	25.718.867,97	10.545,78	(47,72)



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 8/2025	273.836.036.629	25.718.867,97	10.647,28	101,50
Kỳ 2 Tháng 8/2025	284.738.659.882	26.013.674,47	10.945,73	298,45
Kỳ 3 Tháng 8/2025	288.143.785.201	25.823.812,48	11.158,06	212,33
Kỳ 4 Tháng 8/2025	291.098.238.124	25.838.574,59	11.266,03	107,97
Kỳ 5 Tháng 8/2025	295.504.373.162	25.982.800,02	11.373,07	107,04
Kỳ 6 Tháng 8/2025	295.422.704.462	25.938.758,53	11.389,23	16,16
Kỳ 7 Tháng 8/2025	286.600.465.828	26.014.319,06	11.017,02	(372,21)
Kỳ 8 Tháng 8/2025	296.214.356.662	25.967.283,51	11.407,21	390,19
Kỳ cuối Tháng 8/2025	301.418.574.978	26.223.656,63	11.494,14	86,93
Kỳ 1 Tháng 9/2025	302.991.966.616	26.223.656,63	11.554,14	60,00
Kỳ 2 Tháng 9/2025	298.784.408.880	26.560.138,88	11.249,35	(304,79)
Kỳ 3 Tháng 9/2025	301.071.452.458	26.640.298,34	11.301,35	52,00
Kỳ 4 Tháng 9/2025	311.098.420.414	26.881.948,68	11.572,76	271,41
Kỳ 5 Tháng 9/2025	313.045.126.958	27.221.162,69	11.500,06	(72,70)
Kỳ 6 Tháng 9/2025	309.433.049.353	27.573.518,29	11.222,10	(277,96)
Kỳ 7 Tháng 9/2025	314.621.020.453	27.686.637,25	11.363,64	141,54
Kỳ 8 Tháng 9/2025	314.013.916.089	27.839.773,68	11.279,32	(84,32)
Kỳ cuối Tháng 9/2025	314.187.859.895	28.017.438,40	11.214,01	(65,31)
Kỳ 1 Tháng 10/2025	315.901.214.758	28.017.438,40	11.275,16	61,15
Kỳ 2 Tháng 10/2025	321.349.149.284	28.161.422,67	11.410,97	135,81
Kỳ 3 Tháng 10/2025	326.375.934.788	28.631.407,73	11.399,22	(11,75)
Kỳ 4 Tháng 10/2025	333.212.086.558	28.623.913,48	11.641,03	241,81
Kỳ 5 Tháng 10/2025	330.570.396.594	28.817.753,20	11.471,06	(169,97)
Kỳ 6 Tháng 10/2025	311.556.827.776	28.726.879,78	10.845,48	(625,58)
Kỳ 7 Tháng 10/2025	334.693.473.933	29.870.089,32	11.204,97	359,49
Kỳ 8 Tháng 10/2025	339.237.890.449	30.472.120,06	11.132,73	(72,24)
Kỳ 9 Tháng 10/2025	350.277.799.196	30.716.180,91	11.403,68	270,95
Kỳ cuối Tháng 10/2025	349.382.298.102	30.885.401,99	11.312,21	(91,47)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 11/2025	346.511.608.110	30.885.401,99	11.219,26	(92,95)
Kỳ 2 Tháng 11/2025	351.411.029.341	31.034.242,43	11.323,33	104,07
Kỳ 3 Tháng 11/2025	339.961.700.370	31.076.674,06	10.939,44	(383,89)
Kỳ 4 Tháng 11/2025	348.228.049.421	30.925.741,65	11.260,13	320,69
Kỳ 5 Tháng 11/2025	355.500.879.694	31.304.920,17	11.356,07	95,94
Kỳ 6 Tháng 11/2025	354.411.111.042	31.350.659,69	11.304,74	(51,33)
Kỳ 7 Tháng 11/2025	352.684.611.647	31.370.677,70	11.242,49	(62,25)
Kỳ 8 Tháng 11/2025	352.499.255.363	31.384.251,43	11.231,72	(10,77)
Kỳ cuối Tháng 11/2025	353.621.568.724	31.463.310,60	11.239,17	7,45
Kỳ 1 Tháng 12/2025	354.893.131.697	31.499.454,78	11.266,64	27,47
Kỳ 2 Tháng 12/2025	358.467.925.463	31.596.443,81	11.345,19	78,55
Kỳ 3 Tháng 12/2025	364.870.842.074	31.723.512,64	11.501,59	156,40
Kỳ 4 Tháng 12/2025	366.888.408.961	31.710.796,33	11.569,82	68,23
Kỳ 5 Tháng 12/2025	365.365.181.376	31.755.486,19	11.505,57	(64,25)
Kỳ 6 Tháng 12/2025	365.589.347.777	31.792.340,39	11.499,29	(6,28)
Kỳ 7 Tháng 12/2025	363.143.011.466	31.863.036,66	11.396,99	(102,30)
Kỳ 8 Tháng 12/2025	367.385.246.410	32.427.902,63	11.329,29	(67,70)
Kỳ 9 Tháng 12/2025	366.644.834.040	32.528.503,37	11.271,49	(57,80)
Kỳ 10 Tháng 12/2025	358.807.019.744	32.668.947,16	10.983,12	(288,37)
Kỳ 11 Tháng 12/2025	361.014.478.267	32.782.090,53	11.012,55	29,43
Kỳ 12 Tháng 12/2025	370.330.557.204	32.990.767,14	11.225,27	212,72
Kỳ 13 Tháng 12/2025	370.035.781.116	33.058.885,93	11.193,23	(32,04)
Kỳ 14 Tháng 12/2025	370.708.853.199	33.151.629,78	11.182,22	(11,01)
Kỳ 15 Tháng 12/2025	373.377.451.408	33.267.151,42	11.223,60	41,38
Kỳ 16 Tháng 12/2025	380.534.728.323	33.358.606,95	11.407,39	183,79
Kỳ 17 Tháng 12/2025	382.767.248.236	33.444.960,09	11.444,69	37,30
Kỳ 18 Tháng 12/2025	384.443.510.735	33.492.340,56	11.478,55	33,86
Kỳ 19 Tháng 12/2025	380.330.131.035	33.564.963,71	11.331,16	(147,39)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 20 Tháng 12/2025	379.677.094.384	33.608.802,69	11.296,95	(34,21)
Kỳ 21 Tháng 12/2025	385.515.258.405	33.671.489,87	11.449,30	152,35
Kỳ 22 Tháng 12/2025	389.644.057.196	33.836.996,35	11.515,32	66,02
Kỳ cuối Tháng 12/2025	389.194.328.755	33.837.909,47	11.501,72	(13,60)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	263.225.540.708			
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất				985,06
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất				(3,06)



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

Ngày 31 tháng 12

năm 2025

(chứng chỉ quỹ)

Đến một năm

33.837.909,47

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

Cho kỳ kế toán từ
ngày 4 tháng 2 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày
31 tháng 12 năm 2025
(%)

Tỷ lệ chi phí hoạt động

2,68

Tốc độ vòng quay danh mục

84,04

21.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách chia tỷ lệ chi phí hoạt động cho số ngày hoạt động thực tế của Quỹ (tính từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 - ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2025) sau đó nhân với 365.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong kỳ (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí phát hành, chi phí mua lại chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ (tiếp theo)

21.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách chia tốc độ vòng quay danh mục cho số ngày hoạt động thực tế của Quỹ (tính từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 - ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2025) sau đó nhân với 365.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

22. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

22.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng gián tiếp tới cổ phiếu.

- Ảnh hưởng: Lãi suất tăng tác động gián tiếp và ảnh hưởng nhiều mặt tới giá cổ phiếu, phụ thuộc vào nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi công ty (công ty có tỷ lệ các khoản vay dài hạn cao với lãi suất cố định sẽ ít bị ảnh hưởng hơn so với công ty có các khoản vay ngắn hạn), khả năng tăng giá bán của công ty để bù đắp chi phí tài chính tăng cao, và kỳ vọng lạm phát.
- Phương pháp quản trị rủi ro: Quỹ sẽ quản trị rủi ro lãi suất thông qua việc phân tích báo cáo tài chính các công ty do các công ty niêm yết phải công bố báo cáo tài chính hàng quý. Quỹ cũng sẽ phân tích triển vọng tài chính công ty thông qua việc ước tính dòng tiền và tình trạng nợ của các công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

22. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Quỹ là 368.958.206.400 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 36.895.820.640 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 36.895.820.640 đồng.

22.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng được các nghĩa vụ của mình đối với các vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán.

- Ảnh hưởng: rủi ro tín dụng chủ yếu liên quan đến trái phiếu. Tuy vậy, rủi ro tín dụng cũng cần được xem xét đối với các công ty phát hành cổ phiếu, bởi vì việc mất khả năng thanh toán của một khoản nợ sẽ làm tăng chi phí nợ vay và có thể dẫn tới khả năng công ty phải phá sản và giá trị cổ phiếu sụt giảm mạnh.

Các công ty không được ưa thích, đặc biệt là các công ty mới thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán, thường có xu hướng giảm giá trị nhanh hơn khi kinh tế suy thoái. Các công ty này thường gặp khó khăn hơn trong việc giữ chân khách hàng và nhà cung cấp và trong việc thanh toán nghĩa vụ nợ hoặc tìm kiếm nguồn tài trợ bổ sung trong giai đoạn kinh tế suy thoái.

- Phương pháp quản trị rủi ro: Báo cáo tài chính được sử dụng để đánh giá rủi ro tín dụng và rủi ro mất khả năng thanh toán. Vì báo cáo tài chính được các công ty niêm yết công bố hàng quý, dự báo dòng tiền trong tương lai được sử dụng để đánh giá tình hình tài chính và triển vọng của công ty. Các sở giao dịch chứng khoán Việt Nam giám sát tình hình tài chính của các công ty niêm yết, và để bảo vệ các nhà đầu tư, các cơ quan này sẽ đình chỉ hoặc hủy bỏ niêm yết cổ phiếu của các công ty có tình hình tài chính không lành mạnh hoặc không đủ năng lực tài chính.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

22. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc đầu tư một tỷ trọng đầu tư hợp lý vào các cổ phiếu có tính thanh khoản cao. Thanh khoản của một cổ phiếu được xem xét theo số ngày cần thiết để thanh toán toàn bộ số cổ phiếu quý nắm giữ với giả định giao dịch của quý chiếm 10% giao dịch của thị trường.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

23. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

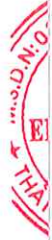
Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền	26.026.546.084	26.026.546.084
Các khoản đầu tư thuần	368.958.206.400	368.958.206.400
- Cổ phiếu niêm yết	368.958.206.400	368.958.206.400
	394.984.752.484	394.984.752.484
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả về mua các khoản đầu tư	3.276.807.850	3.276.807.850
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	447.325.526	447.325.526
Chi phí phải trả	94.500.000	94.500.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ	686.850.616	686.850.616
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	569.212.997	569.212.997
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	687.123.608	687.123.608
	5.761.820.597	5.761.820.597

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ, phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ và phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền, cổ phiếu niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Cho kỳ kế toán từ
ngày 4 tháng 2 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày
31 tháng 12 năm 2025
VNĐ

Giá dịch vụ quản lý quỹ

4.536.410.279

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Ngày 31 tháng 12
năm 2025
VNĐ

Phải trả dịch vụ quản lý quỹ

598.903.608

Phải trả phí về mua lại Chứng chỉ quỹ

447.325.526

1.046.229.134

b) Thù lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

Cho kỳ kế toán từ
ngày 4 tháng 2 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày
31 tháng 12 năm 2025
VNĐ

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

108.928.571

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Ngày 31 tháng 12
năm 2025
VNĐ

Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ

27.000.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	
<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	5.000.000,00	14,78
Bên liên quan khác		208.424,57	0,61
		5.208.424,57	15,39

24.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát:

(i) Giá dịch vụ giám sát

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (Mười sáu triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 8.000.000 VNĐ (Tám triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên tính từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, giá Dịch Vụ Ngân hàng Giám sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VNĐ (Mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (Mười sáu triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá Dịch Vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)

(ii) Giá dịch vụ lưu ký

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (Mười một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV dưới 1.000 tỷ đồng/năm và 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV từ 1.000 tỷ đồng/năm trở lên, với mức tối thiểu là 12.000.000 VNĐ (mười hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ:

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (Ba mươi mốt triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 15.500.000 VNĐ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên tính từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 42.000.000 VNĐ (Bốn mươi hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (Ba mươi mốt triệu đồng) một tháng được áp dụng cho sáu tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 VNĐ (ba mươi sáu triệu đồng) một năm, tương đương với 3.000.000 VNĐ (ba triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

*Cho kỳ kế toán từ
ngày 4 tháng 2 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày
31 tháng 12 năm 2025
VNĐ*

Giá dịch vụ quản trị quỹ	355.869.643
Giá dịch vụ giám sát	165.121.659
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	120.814.977
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	139.150.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	11.928.759
Phí ngân hàng	3.714.194

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

*Ngày 31 tháng 12
năm 2025
VNĐ*

Tiền gửi thanh toán	26.026.546.084
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	9.020.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quý không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 4 tháng 2 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Quý.



Người lập:
Bà Nguyễn Mai Hoa
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và
Danh mục



Người duyệt:
Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng



Người duyệt:
Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc



